BUMATECH

Keo dán gạch • Chống thấm • Vữa khô • Hoá chất xây dựng

CATALOGUE DÒNG SẢN PHẨM · 2027



3.WP DÒNG SẢN PHẨM

CHỐNG THẤM

18 sản phẩm phụ gia, lớp lót, màng chống thấm và vật tư gia cường cho

Tường ngoài trời · Tầng hầm · Khu vệ sinh · Bể nước · Ban công · Sàn mái · Mái tôn

BuMaLATEX	LATEX SP	PRIMER W	PRIMER F	PRIMER MOI	K11W
K11F	FLEX WP 2K	BuMaLASTIC	WALLCOAT	PROOF 668	PUA 680
EnerSAV	SolarSHIELD	BuMaTAPE	BuMaFAB	BuMaMESH 70	BuMaMESH 150

SINGAPORE GREEN BUILDING COUNCIL MEMBER

VGBC STANDARD MEMBER

BROCHURE CHỐNG THẤM

HỒ SƠ NĂNG LỰC BUMATECH

ZALO OA

MỤC LỤC

Bìa — dòng 3.WP Chống thấm
18 sản phẩm · 5 nhóm · Mã QR tra cứu — 1

Mục lục và sơ đồ chọn nhanh
4 bước chọn đúng hệ chống thấm · 3 con số của dòng — 2

5 nhóm sản phẩm của dòng
Vai trò từng nhóm · Đọc ký hiệu phân loại — 3

So sánh 9 mã tạo màng
Xếp theo cầu vết nứt · 4 vật tư gia cường — 4

Phụ gia và lớp lót
BuMaLATEX · LATEX SP · PRIMER W · PRIMER F · PRIMER MOI — 5

Gốc xi măng
K11W · K11F · FLEX WP 2K · BuMaLASTIC — 6

Màng gốc acrylic, PU
WALLCOAT · PROOF 668 · PUA 680 — 7

Phản xạ nhiệt và gia cường
EnerSAV · SolarSHIELD · BuMaTAPE · BuMaFAB · BuMaMESH 70 · BuMaMESH 150 — 8

Chọn theo hạng mục thi công
Ma trận hạng mục · Định mức và thời gian chờ — 9

Quy trình thi công 10 bước
Ảnh minh hoạ với PROOF 668 · Dụng cụ · 3 lưu ý vàng — 10

4 chi tiết xung yếu
Khe co giãn · Góc chân tường · Vết nứt · Cổ ống — 11

Hệ giải pháp, an toàn và liên hệ
Các dòng đi kèm · Danh mục 18 sản phẩm · 6 lưu ý an toàn · 3 địa chỉ — 12

18 SẢN PHẨM DÒNG 3.WP

PHỤ GIA & LỚP LÓT
- BuMaLATEX
- LATEX SP
- PRIMER W
- PRIMER F
- PRIMER MOI

PHA XI MĂNG TẠI CÔNG TRƯỜNG
- K11W
- K11F

HAI THÀNH PHẦN GỐC XI MĂNG
- FLEX WP 2K
- BuMaLASTIC

MÀNG GỐC ACRYLIC, PU
- WALLCOAT
- PROOF 668
- PUA 680
- EnerSAV
- SolarSHIELD

GIA CƯỜNG LỚP CHỐNG THẤM
- BuMaTAPE
- BuMaFAB
- BuMaMESH 70
- BuMaMESH 150

CHỌN ĐÚNG HỆ CHỐNG THẤM TRONG BỐN BƯỚC

Xác định hạng mục, lớp hoàn thiện phía trên, tình trạng vết nứt của nền và nhu cầu chống nóng — rồi mới chọn mã.

01
Hạng mục ở đâu
Tường ngoài trời, tầng hầm, khu vệ sinh, bể nước, ban công, sàn mái hay mái tôn — tra ma trận ở trang 9.

02
Có ốp lát lên không
K11W, **K11F**, **FLEX WP 2K**, **BuMaLASTIC**, **PROOF 668** có mốc chờ trước khi dán gạch. Ốp lát lên màng hai thành phần dùng keo C2 trở lên.

03
Nền có vết nứt không
Vết nứt có sẵn trên nền phải xử lý trước khi thi công. 5 mã gốc acrylic, PU không thi công lên vết nứt rộng hơn 1,0mm.

04
Có cần chống nóng
Mái lộ thiên cần giảm hấp thụ nhiệt: **EnerSAV** và **SolarSHIELD** phản xạ bức xạ mặt trời.

18
SẢN PHẨM TRONG DÒNG
5 mã phụ gia và lớp lót
9 mã tạo màng chống thấm
4 vật tư gia cường lớp chống thấm

10,0mm
CẦU VẾT NỨT CAO NHẤT
PUA 680 đạt ≥ 10,0mm theo BS EN 14891:2017.
Mã pha xi măng thấp nhất đạt ≥ 0,5mm.

112
SRI CAO NHẤT DÒNG
SolarSHIELD đạt chỉ số phản xạ bức xạ mặt trời ≥ 112 theo ASTM E1980-24.
EnerSAV đạt ≥ 100.

Toàn bộ số liệu trong tài liệu này lấy từ **Phiếu Dữ liệu Kỹ thuật (TDS) phiên bản 2026.10** đã ban hành của từng sản phẩm. Quét mã QR ở mỗi thẻ sản phẩm để mở đúng TDS bản mới nhất. Khi có sai khác giữa tài liệu này và TDS, **TDS là bản có hiệu lực.**

MỘT DÒNG, NĂM NHÓM THEO VAI TRÒ



Phụ gia & lớp lót

BuMaLATEX · LATEX SP · PRIMER W · PRIMER F · PRIMER MOI

Chuẩn bị nền trước khi chống thấm: phụ gia latex tăng bám dính cho vữa và keo dán gạch; lớp lót liên kết bụi mịn, hạn chế muối hoá, tăng bám dính cho lớp sau. **PRIMER MOI** dùng cho nền vữa mới tô.



Pha xi măng tại công trường

K11W · K11F

Dung dịch một thành phần: trộn 1kg sản phẩm với 0,5kg xi măng tại công trường thành lớp phủ gốc xi măng – polymer. Chỉ dùng xi măng có cường độ nén sau 28 ngày ≥ 40MPa, trộn máy tốc độ thấp.



Hai thành phần gốc xi măng

FLEX WP 2K · BuMaLASTIC

Thành phần lỏng A và bột B cân sẵn: **FLEX WP 2K** tỉ lệ 1:3 cho màng cứng, chịu mài mòn; **BuMaLASTIC** tỉ lệ 1:1,5 cho màng đàn hồi cao. Cả hai phân loại EN 14891:2017 CMP.



Màng gốc acrylic, PU

WALLCOAT · PROOF 668 · PUA 680 · EnerSAV · SolarSHIELD

Lớp phủ tạo màng liên tục, không mối nối, kháng UV cho bề mặt lộ thiên; 2 mã phản xạ nhiệt cho mái. Mỗi lớp không dày hơn 0,5kg/m², độ ẩm nền không quá 6%.



Gia cường lớp chống thấm

BuMaTAPE · BuMaFAB · BuMaMESH 70 · BuMaMESH 150

Đặt giữa hoặc chìm trong lớp chống thấm — không chống thấm một mình: **BuMaTAPE** cho khe lớn, **BuMaFAB** cho góc và vết nứt nhỏ, lưới **BuMaMESH 70 · BuMaMESH 150** gia cường diện rộng.

ĐỌC KÝ HIỆU PHÂN LOẠI TRÊN THẺ SẢN PHẨM

C · D
Chữ đầu ký hiệu EN 14891:2017 là gốc màng: **C** gốc xi măng, **D** gốc phân tán polymer (acrylic, PU)

M · P
CM, **DM** là chống thấm dạng lỏng thi công. **P** là chịu tiếp xúc nước clo — bể bơi

(C) PI-MC-PR
EN 1504-2 lớp phủ bảo vệ bê tông: Chống xâm nhập · Kiểm soát độ ẩm · Tăng khả năng chịu tác động vật lý

TYPE II
ASTM C1059: phụ gia latex kết nối vữa mới vào bê tông đã đông cứng — **LATEX SP** đạt Type II

CMP: **FLEX WP 2K**, **BuMaLASTIC** · DMP: **WALLCOAT**, **PROOF 668**, **PUA 680**, **EnerSAV** · EN 1504-2 (C) PI-MC-PR: **FLEX WP 2K**, **BuMaLASTIC**, **PROOF 668**, **PUA 680**, **EnerSAV**. Hồ sơ thầu thường chỉ định theo ký hiệu thay vì tên thương mại — đối chiếu đủ ký hiệu trên thẻ phân loại của từng mã.

9 MÃ TẠO MÀNG — XẾP THEO CẦU VẾT NỨT

Sản phẩm	Cầu vết nứt mm	Bám dính MPa	Giãn dài khi đứt	Chịu kéo MPa	Định mức kg/m²	Phân loại · Chứng nhận
K11F Pha xi măng	**≥ 0,5**	≥ 0,5 28 ngày ASTM D7234-21	70% ± 20%	≥ 1,2	0,5 - 2,0	–
K11W Pha xi măng	**≥ 0,75**	≥ 1,0 28 ngày ASTM D7234-21	70% ± 5%	≥ 1,2	0,5 - 2,0	–
FLEX WP 2K Hai thành phần	**≥ 0,75**	≥ 1,4 Điều kiện chuẩn EN 14891:2017	30% ± 10%	≥ 1,5	1,5 - 3,5	EN 14891:2017 CMP · (C) PI-MC-PR
SolarSHIELD Acrylic phản xạ nhiệt	**≥ 0,75**	≥ 1,1 Nền bê tông ASTM D7234-21	30% ± 3%	≥ 2,0	0,3 - 2,0	–
BuMaLASTIC Hai thành phần	**≥ 1,2**	≥ 1,2 Điều kiện chuẩn EN 14891:2017	230% ± 23%	≥ 1,4	1,0 - 3,0	EN 14891:2017 CMP · (C) PI-MC-PR
WALLCOAT Gốc acrylic	**≥ 2,5**	≥ 1,5 28 ngày ASTM D7234-21	100% ± 15%	≥ 2,5	0,3 - 0,9	EN 14891:2017 DMP
PROOF 668 Gốc acrylic	**≥ 3,5 · ≥ 5,0** ở 0,6 - 0,9kg/m² và ≥ 2,0kg/m²	≥ 1,2 28 ngày ASTM D7234-21	200% ± 20% 350% ± 35%	≥ 2,5	0,6 - 3,0	EN 14891:2017 DMP · (C) PI-MC-PR
EnerSAV Acrylic phản xạ nhiệt	**≥ 5,0** ở ≥ 2,0kg/m²	≥ 1,8 Nền bê tông ASTM D7234-21	300% ± 30%	≥ 2,5	0,3 - 3,0	EN 14891:2017 DMP · (C) PI-MC-PR
PUA 680 Lai PU - Acrylic	**≥ 10,0**	≥ 1,5 14 ngày ASTM D7234-21	680% ± 68%	≥ 2,5	0,3 - 3,0	EN 14891:2017 DMP · (C) PI-MC-PR

Cầu vết nứt theo BS EN 14891:2017. Giãn dài và chịu kéo theo ASTM D412-16(2021). Định mức là khoảng nhỏ nhất - lớn nhất theo hạng mục; chi tiết từng hạng mục ở trang 9. Kết quả **WALLCOAT** thử ở định mức 0,6kg/m², **PUA 680** ở 1,5kg/m².

⚠ **Vết nứt có sẵn trên nền.** 5 mã **WALLCOAT**, **PROOF 668**, **PUA 680**, **EnerSAV**, **SolarSHIELD** **không thi công lên vết nứt rộng hơn 1,0mm**.
Vết nứt phải được xử lý thích hợp trước khi thi công, gia cường bằng **BuMaFAB** hoặc **BuMaTAPE** — xem trang 11.

4 VẬT TƯ GIA CƯỜNG — ĐẶT TRONG LỚP CHỐNG THẤM

Sản phẩm	Cấu tạo	Chịu kéo Kéo đứt	Giãn dài	Cầu vết nứt	Quy cách	Vị trí dùng
BuMaTAPE	Lõi cao su giữa hai lớp vải	5,7MPa	≥ 664%	4,79mm 28 ngày điều kiện thường	15cm × 10m	Khe co giãn, khe nối kết cấu, góc chân tường
BuMaFAB	Lưới vải sợi	MD 49,0N/50mm CD 30,0N/50mm	–	–	15cm × 50m	Góc, vết nứt nhỏ, gia cường diện rộng
BuMaMESH 70	Lưới thuỷ tinh bền kiềm 70 ± 5g/m²	Ngang ≥ 550N/50mm Dọc ≥ 550N/50mm	–	≥ 2,20mm Cùng **BuMaLASTIC** 3,0kg/m²	1 × 50m/cuộn	Gia cường lớp chống thấm, lớp vữa, bột trét
BuMaMESH 150	Lưới thuỷ tinh bền kiềm 150 ± 5g/m²	Ngang ≥ 1300N/50mm Dọc ≥ 1100N/50mm	–	≥ 2,20mm Cùng **BuMaLASTIC** 3,0kg/m²	1 × 50m/cuộn	Gia cường lớp chống thấm, lớp vữa, bột trét

Chịu kéo, kéo đứt: **BuMaTAPE** thử theo BS EN 12311-2:2013; **BuMaFAB**, **BuMaMESH 70**, **BuMaMESH 150** theo BS EN 12311-2:2000. Cầu vết nứt theo BS EN 14891:2017.

PHỤ GIA VÀ LỚP LÓT · 01 - 05



BuMaLATEX

PHỤ GIA LATEX ĐA DỤNG · CHO KEO DÁN GẠCH, VỮA GỐC XI MĂNG

Nhũ tương butadiene styrene cải tiến, pha loãng với nước rồi trộn với vữa trộn sẵn hoặc vữa xi măng – cát tại công trường: lớp kết nối, vữa kháng nước, vữa xây tô, dặm vá; trộn với keo **BuMaGREEN** để dán gạch ngoài trời, bể nước.

≥ 2,8MPa	≥ 2,0MPa	≥ 1,5MPa	0g/l
Chịu cắt · Đạt	Bám dính 28 ngày*	Sau ngâm nước*	Hàm lượng VOC

05kg/can và 20kg/can · Màu: Trắng đục · HSD 24 tháng

ĐỊNH MỨC Lớp kết nối: 1kg / 4m² · Vữa latex: 1,5kg / 15mm vữa · Keo dán gạch: 1,5kg / bao 25kg

ĐẠT ASTM C1059/C1059M-21

Bám dính khi chịu cắt yêu cầu **≥ 2,8MPa** — kết quả Đạt.
*Khi trộn với **BuMaGREEN** theo TCVN 7899-2:2008 EN 12004-2:2017

CHI TIẾT



LATEX SP

PHỤ GIA KẾT NỐI ĐẶC BIỆT · PHỤ GIA CHO VỮA KHÔ, KEO DÁN GẠCH

Latex gốc butadien styrene cao cấp làm chất kết nối cho vữa tô, vữa cán nền và keo dán gạch: tăng mạnh bám dính, giảm thấm nước, hạn chế ion clo xâm nhập. Kết nối bê tông cũ và mới; trộn với keo **BuMaFIX** dán gạch trên gạch.

≥ 8,6MPa	≥ 2,5MPa	≥ 1,8MPa	0g/l
Chịu cắt · Đạt	Bám dính 28 ngày*	Sau ngâm nước*	Hàm lượng VOC

05kg/can và 20kg/can · Màu: Trắng đục · HSD 24 tháng

ĐỊNH MỨC Lớp kết nối: 1kg / 4m² · Vữa latex: 1,5kg / 15mm vữa · Keo dán gạch: 1,5kg / bao 25kg

PHÂN LOẠI

In compliance with ASTM standard ASTM C1059 TYPE II BUMATECH LATEX AGENT FOR BONDING FRESH TO HARDENED CONCRETE

ASTM C1059 Type II

*Khi trộn với **BuMaFIX** theo TCVN 7899-2:2008 EN 12004-2:2017

CHI TIẾT



PRIMER W

LỚP LÓT CHỐNG THẤM TƯỜNG · GỐC NƯỚC, NỀN NHỰA TỔNG HỢP

Dung dịch gốc nước nền nhựa tổng hợp xử lý bề mặt bê tông, vữa gốc xi măng trước khi chống thấm hoặc bột trét ngoài trời: liên kết bụi mịn, hạn chế muối hoá và ố màu lớp chống thấm, tăng bám dính cho lớp vật liệu tiếp theo.

0,1 - 0,2kg/m²	05 - 10m²/kg	10 - 30phút	1 - 2lớp
Định mức	Độ phủ quy đổi	Chờ khô mỗi lớp	Số lớp

04kg/thùng và 18kg/thùng · Màu: Trắng đục · HSD 12 tháng

PHƯƠNG PHÁP Rulô hoặc máy phun · Tỉ trọng 1,01 ± 0,01

YÊU CẦU NỀN

Bê tông tạo nhám cơ học **ICRI CSP 2 - 3**; bám dính nền tối thiểu **0,5MPa** theo ASTM C1583/C1583M-25. Vữa tô bảo dưỡng khoảng 7 ngày cho mỗi 10mm.

CHI TIẾT



PRIMER F

LỚP LÓT CHỐNG THẤM SÀN · GỐC NƯỚC, NỀN NHỰA TỔNG HỢP

Dung dịch gốc nước nền nhựa tổng hợp xử lý bề mặt bê tông, vữa gốc xi măng trước khi chống thấm trên bề mặt ngang ngoài trời: liên kết bụi mịn, hạn chế muối hoá và ố màu lớp chống thấm, tăng bám dính cho lớp vật liệu tiếp theo.

0,1 - 0,2kg/m²	05 - 10m²/kg	10 - 30phút	1 - 2lớp
Định mức	Độ phủ quy đổi	Chờ khô mỗi lớp	Số lớp

04kg/thùng và 18kg/thùng · Màu: Trắng đục · HSD 12 tháng

PHƯƠNG PHÁP Rulô hoặc máy phun · Tỉ trọng 1,01 ± 0,01

YÊU CẦU NỀN

Bê tông tạo nhám cơ học **ICRI CSP 2 - 3**; bám dính nền tối thiểu **0,5MPa** theo ASTM C1583/C1583M-25. Vữa tô bảo dưỡng khoảng 7 ngày cho mỗi 10mm.

CHI TIẾT



PRIMER MOI

LỚP LÓT CHO NỀN VỮA MỚI TÔ · KHOÁ ION CANXI · KHÁNG MUỐI HOÁ

Lớp lót gốc nước nền styren - acrylic kỵ nước, hấp thụ ion kiềm: khoá ion canxi tự do trong nền vữa, bê tông còn non, ngăn muối di chuyển lên lớp phủ — cho thi công chống thấm sớm hơn mà lớp phủ màu không phấn hoá, bạc màu.

0,3kg/m²	~ 3,3m²/kg	1 - 2giờ	1 - 2lớp
Định mức	Độ phủ quy đổi	Chờ khô	Số lớp

18kg/thùng · Màu: Trắng đục · HSD 12 tháng

PHƯƠNG PHÁP Rulô hoặc máy phun · Tỉ trọng 1,2 · Không thay thế thời gian bảo dưỡng nền

TUỔI NỀN TỐI THIỂU

Vữa trộn tại công trường **3 ngày**
Vữa khô trộn sẵn
Sc 100 · **Sc 150** · **Sc 200** **1 ngày**

CHI TIẾT

GỐC XI MĂNG · 06 - 09



K11W

CHỐNG THẤM PHA XI MĂNG · CHO TƯỜNG NGOÀI TRỜI

Dung dịch một thành phần trộn với xi măng thành lớp phủ gốc xi măng – polymer cải tiến, đàn hồi, bám dính cao, kỵ nước. Tối ưu cho tường đứng chịu thời tiết, tia UV và chu kỳ ẩm – khô; không dùng cho khe co giãn, vết nứt động.

≥ 1,0MPa	≥ 1,6MPa	≥ 0,75mm	70% ± 5%
Bám dính 28 ngày	Sau lão hoá nhiệt	Cầu vết nứt	Giãn dài khi đứt

04kg/thùng và 18kg/thùng · Màu: Lỏng trắng đục, cốt liệu trắng ngà · HSD 12 tháng

TỈ LỆ PHA TRỘN Trộn 1kg sản phẩm (đã khuấy đều) với 0,5kg xi măng

ĐỊNH MỨC 0,5 - 1,0kg/m²: Tường ngoài trời, khu vực vệ sinh · 2,0kg/m²: Tường tầng hầm

THỜI GIAN CHỜ

Giữa các lớp **30 - 60 phút**
Thử nước **3 - 7 ngày**
Tô vữa, dán gạch
tối thiểu 7 ngày

CHI TIẾT



K11F

CHỐNG THẤM PHA XI MĂNG · CHO SÀN, TƯỜNG TRONG NHÀ, NGOÀI TRỜI

Phụ gia gốc polymer pha với xi măng tại công trường thành màng xi măng đàn hồi, liên tục, bám dính cao; quét, lăn hoặc phun. Chịu biến dạng nhẹ, kháng UV, không chứa VOC — cho cả tường và sàn, trong nhà lẫn ngoài trời.

≥ 0,5MPa	≥ 1,2MPa	≥ 0,5mm	70% ± 20%
Bám dính 28 ngày	Sau lão hoá nhiệt	Cầu vết nứt	Giãn dài khi đứt

04kg/thùng và 18kg/thùng · Màu: Lỏng trắng đục, cốt liệu trắng ngà · HSD 12 tháng

TỈ LỆ PHA TRỘN Trộn 1kg sản phẩm (đã khuấy đều) với 0,5kg xi măng

ĐỊNH MỨC 0,5 - 1,0kg/m²: Tường ngoài trời, khu vực vệ sinh · 2,0kg/m²: Tường tầng hầm

THỜI GIAN CHỜ

Giữa các lớp **30 - 60 phút**
Thử nước **3 - 7 ngày**
Tô vữa, dán gạch
tối thiểu 7 ngày

CHI TIẾT



FLEX WP 2K

CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI · HAI THÀNH PHẦN GỐC XI MĂNG

Hai thành phần gốc xi măng – polymer cân sẵn: màng ổn định, độ cứng cao, chịu mài mòn tốt mà vẫn giữ độ đàn hồi cần thiết. Hàm lượng xi măng cao, hiệu quả chi phí cho hạng mục chống thấm tiêu chuẩn; không chứa VOC.

≥ 1,4MPa	≥ 0,75mm	30% ± 10%	≥ 80
Bám dính chuẩn	Che phủ vết nứt	Giãn dài khi đứt	Độ cứng Shore A

Bộ 8,0kg (A+B đóng trong thùng) · Bộ 20kg (A+B đóng trong thùng) ·
Bộ 33,5kg (A: 8,5kg · B: 25kg) · Hỗn hợp sau trộn màu xám · HSD 24 tháng

TỈ LỆ 1:3 (lỏng:bột)

ĐỊNH MỨC 1,5 - 2,0kg/m²: Ban công, nhà bếp, nhà vệ sinh
2,5 - 3,5kg/m²: Tường tầng hầm, bể bơi, mái

PHÂN LOẠI · CHỨNG NHẬN

In compliance with European standard EN 14891 CMP BUMATECH LIQUID APPLIED WATER IMPERMEABLE PRODUCTS

In compliance with European standard EN 1504-2 (C) PI-MC-PR BUMATECH SURFACE PROTECTION SYSTEMS FOR CONCRETE

EN 14891:2017 CMP
EN 1504-2 (C) PI-MC-PR

Kèm lưới **BuMaMESH 70** / **BuMaMESH 150**:
che phủ vết nứt **≥ 1,0mm**

CHI TIẾT



BuMaLASTIC

CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI CAO · HAI THÀNH PHẦN GỐC XI MĂNG

Gốc xi măng cải tiến, hàm lượng polymer cao: màng đàn hồi vượt trội, bù trừ vi chuyển vị, hạn chế nứt chân chim. Đặc chắc, bám dính mạnh, không chứa VOC; bảo vệ bê tông cả trong môi trường biển, muối chloride, sulphate.

≥ 1,2MPa	≥ 1,2mm	230% ± 23%	≥ 55
Bám dính chuẩn	Che phủ vết nứt	Giãn dài khi đứt	Độ cứng Shore A

Bộ 7,5kg (A+B đóng trong thùng) · Bộ 20kg (A+B đóng trong thùng) ·
Bộ 25kg (A: 10kg · B: 15kg) · Hỗn hợp sau trộn màu xám · HSD 24 tháng

TỈ LỆ 1:1,5 (lỏng:bột)

ĐỊNH MỨC 1,0 - 1,5kg/m²: Tường ngoài trời, khu vực vệ sinh
2,0 - 3,0kg/m²: Tường tầng hầm, bể bơi, mái

PHÂN LOẠI · CHỨNG NHẬN

In compliance with European standard EN 14891 CMP BUMATECH LIQUID APPLIED WATER IMPERMEABLE PRODUCTS

In compliance with European standard EN 1504-2 (C) PI-MC-PR BUMATECH SURFACE PROTECTION SYSTEMS FOR CONCRETE

EN 14891:2017 CMP
EN 1504-2 (C) PI-MC-PR

Kèm lưới **BuMaMESH 70** / **BuMaMESH 150**:
che phủ vết nứt **≥ 2,0mm**

EPD INTERNATIONAL EPD SYSTEM
EPD
EPD-IES-0028317

CHI TIẾT

Chờ trước khi tô vữa, cán vữa, dán gạch: tối thiểu 7 ngày ở cả 4 mã.
FLEX WP 2K, **BuMaLASTIC**: tránh thi công dưới trời nắng gắt hoặc nhiệt độ dưới 15°C; không trộn thêm xi măng hay phụ gia khác.
K11W, **K11F**: tối đa khoảng 1kg/m² mỗi lớp, chia nhiều lớp mỏng.

MÀNG GỐC ACRYLIC, PU · 10 - 12



WALLCOAT

CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI GỐC ACRYLIC · CHO TƯỜNG NGOÀI TRỜI

Lớp phủ gốc acrylic thế hệ mới, phụ gia kháng UV và chống lão hoá: màng liên tục, không mối nối, đàn hồi cao, che phủ vi nứt; hạn chế khí thải công nghiệp ăn mòn. Cho tường ngoài dân dụng, cao tầng, nhà xưởng và tường cũ đã sơn bị nứt thấm.

≥ 2,5mm	≥ 1,5MPa	100% ± 15%	≥ 2,5MPa
Cầu vết nứt	Bám dính 28 ngày	Giãn dài khi đứt	Chịu kéo

05kg/thùng và 20kg/thùng · Màu: Trắng, xám và màu theo yêu cầu · HSD 24 tháng

ĐỊNH MỨC 0,3 - 0,6kg/m²: Lớp sơn cũ · 0,6 - 0,9kg/m²: Tường mới

CHỜ GIỮA LỚP 20 - 45 phút

PHÂN LOẠI · CHỨNG NHẬN

In compliance with European standard EN 14891 DMP BUMATECH LIQUID APPLIED WATER IMPERMEABLE PRODUCTS

EN 14891:2017 DMP

Kết quả thử theo định mức 0,6kg/m²

CHI TIẾT



PROOF 668

CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI CAO · GỐC ACRYLIC CHO SÀN MÁI

Lớp phủ gốc acrylic một thành phần, phụ gia kháng UV và chống lão hoá: màng liên tục, đàn hồi cao, bắc cầu vết nứt tốt. Dùng cho bề mặt lộ thiên mà không cần lớp phủ bảo vệ — mái bê tông, sân thượng, tường ngoài, mái kim loại.

≥ 3,5mm	≥ 5,0mm	350% ± 35%	≥ 1,2MPa
Cầu vết nứt · 0,6 - 0,9kg/m²	Cầu vết nứt · ≥ 2,0kg/m²	Giãn dài · ≥ 2,0kg/m²	Bám dính 28 ngày

05kg/thùng và 20kg/thùng · Màu: Trắng, xám và màu theo yêu cầu · HSD 24 tháng

ĐỊNH MỨC 0,6 - 0,9kg/m²: Tường ngoài trời
1,2 - 2,0kg/m²: Mái kim loại
2,4 - 3,0kg/m²: Mái bê tông

PHÂN LOẠI · CHỨNG NHẬN

In compliance with European standard EN 14891 DMP BUMATECH LIQUID APPLIED WATER IMPERMEABLE PRODUCTS

In compliance with European standard EN 1504-2 (C) PI-MC-PR BUMATECH SURFACE PROTECTION SYSTEMS FOR CONCRETE

EN 14891:2017 DMP
EN 1504-2 (C) PI-MC-PR

EPD INTERNATIONAL EPD SYSTEM EPD

EPD-IES-0028329

CHI TIẾT



PUA 680

CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI CAO · GỐC PU CHO SÀN MÁI

Hệ lai PU - Acrylic thế hệ mới: đàn hồi siêu cao, màng liên tục không mối nối, kháng UV, chống lão hoá; bám dính trên bê tông, mái kim loại, gạch cũ, lớp chống thấm hiện hữu — thi công cả bề mặt đứng và ngang cho khu vực lộ thiên.

≥ 10,0mm	≥ 1,5MPa	680% ± 68%	≥ 2,5MPa
Cầu vết nứt	Bám dính 14 ngày	Giãn dài khi đứt	Sau lão hoá nhiệt

05kg/thùng và 20kg/thùng · Màu: Trắng, xám và màu theo yêu cầu · HSD 24 tháng

ĐỊNH MỨC 0,3 - 0,6kg/m²: Sơn cũ, tường mới · 2,0 - 3,0kg/m²: Mái bê tông

CHỜ GIỮA LỚP 20 - 45 phút

PHÂN LOẠI · CHỨNG NHẬN

In compliance with European standard EN 14891 DMP BUMATECH LIQUID APPLIED WATER IMPERMEABLE PRODUCTS

In compliance with European standard EN 1504-2 (C) PI-MC-PR BUMATECH SURFACE PROTECTION SYSTEMS FOR CONCRETE

EN 14891:2017 DMP
EN 1504-2 (C) PI-MC-PR

Kết quả thử theo định mức 1,5kg/m²

CHI TIẾT

CHỌN GIỮA 3 MÃ THEO HẠNG MỤC

WALLCOAT
Tường ngoài trời — tường mới hoặc tường cũ đã sơn bị nứt, thấm; khu công nghiệp có khí thải. Cầu vết nứt ≥ 2,5mm.

PROOF 668
Sàn mái, sân thượng, tường ngoài lộ thiên — không cần lớp phủ bảo vệ. Cầu vết nứt ≥ 3,5mm đến ≥ 5,0mm theo định mức.

PUA 680
Sàn mái, mái kim loại, bề mặt đứng và ngang lộ thiên; giãn dài 680% ± 68%. Cầu vết nứt ≥ 10,0mm.

Cả 3 mã không dùng cho khe co giãn động, vết nứt kết cấu, vị trí áp suất thuỷ tĩnh ngược hoặc trực tiếp trên bê tông nhẹ AAC.



*Lăn **WALLCOAT** chống thấm đàn hồi cho tường ngoài trời*



*Thi công **PROOF 668** chống thấm sàn mái lộ thiên*



*Thi công **PUA 680** gốc PU phủ kín vết nứt trên sàn mái*

PHẢN XẠ NHIỆT VÀ GIA CƯỜNG · 13 - 18



EnerSAV

CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI ACRYLIC · MÀU TRẮNG, PHẢN XẠ NHIỆT

Lớp phủ đàn hồi gốc acrylic chuyên cho mái lộ thiên, phản xạ bức xạ và phát xạ nhiệt vượt trội: giảm nhiệt tích tụ, không dính mềm khi nóng, giữ độ trắng. Màng thấm hơi cho bề mặt «thở»; phủ được lên hệ chống thấm cũ còn bám tốt.

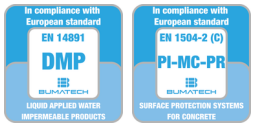
≥ 100	≥ 82%	≥ 0,83	≥ 5,0mm
SRI · ASTM E1980-24	Phản xạ ρ · ASTM E903-20	Bức xạ ε · BS EN 15976:2011	Cầu vết nứt · ≥ 2,0kg/m²

05kg/thùng và 20kg/thùng · Màu: Trắng · HSD 24 tháng

ĐỊNH MỨC 0,3 - 0,6kg/m²: Sơn cũ, tường mới · 1,5 - 3,0kg/m²: Mái kim loại, bê tông

ĐÓNG RẮN ~ 5 - 7 ngày

PHÂN LOẠI · CHỨNG NHẬN



EN 14891:2017 DMP
EN 1504-2 (C) PI-MC-PR

Bám dính trên nền bê tông **≥ 1,8MPa**
Giãn dài **300% ± 30%**
Shore A **≥ 70**

CHI TIẾT



SolarSHIELD

CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI ACRYLIC · MÀU TRẮNG, PHẢN XẠ NHIỆT CAO

Chống thấm và phản xạ nhiệt hiệu suất cao cho mái kim loại, mái tôn công nghiệp: nhựa acrylic kết hợp hạt cầu tăng phản xạ bức xạ, hạn chế truyền nhiệt qua mái. Phù hợp nhà xưởng, kho vận diện tích lớn; phun cho lớp phủ đều.

≥ 112	≥ 88%	≥ 0,88	≥ 0,75mm
SRI · ASTM E1980-24	Phản xạ ρ · ASTM E903-20	Bức xạ ε · BS EN 15976:2011	Cầu vết nứt

03kg/thùng và 15kg/thùng · Màu: Trắng · HSD 24 tháng

ĐỊNH MỨC 0,3 - 0,6kg/m²: Sơn cũ, tường mới · 1,0 - 2,0kg/m²: Mái kim loại, bê tông

ĐÓNG RẮN ~ 5 - 7 ngày

THÔNG SỐ MÀNG

Bám dính trên nền bê tông **≥ 1,1MPa**
Giãn dài **30% ± 3%**
Khối lượng riêng **0,80 ± 0,05g/cm³**

CHI TIẾT

4 VẬT TƯ GIA CƯỜNG — ĐẶT TRONG LỚP CHỐNG THẤM, KHÔNG CHỐNG THẤM MỘT MÌNH



BuMaTAPE

BĂNG GIA CƯỜNG CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI · LÕI CAO SU GIỮA HAI LỚP VẢI · KHE LỚN

Băng ba lớp: lõi cao su đàn hồi giữa hai lớp vải. Lớp vải đứt do kết cấu chuyển vị thì lõi cao su vẫn co giãn nên lớp chống thấm không hở. Cho khe co giãn, khe nối kết cấu, góc chân tường — khe lớn.

5,7MPa	≥ 664%
Chịu kéo	Giãn dài khi đứt
4,79mm	**15cm × 10m**
Cầu vết nứt 28 ngày	Quy cách cuộn

15cm × 10m/cuộn · Màu: Trắng, in logo BUMATECH xanh

CHI TIẾT



BuMaFAB

LƯỚI VẢI GIA CƯỜNG CHỐNG THẤM · TĂNG CƯỜNG ĐỘ CHỊU KÉO · CHO GÓC VÀ VẾT NỨT NHỎ

Lưới vải sợi đặt chìm trong lớp chống thấm để tăng cường độ chịu kéo cho chính lớp đó; phân tán ứng suất nên vết nứt nhỏ của nền không truyền thẳng lên màng. Cho góc và vết nứt nhỏ; khe lớn dùng **BuMaTAPE**.

49,0N/50mm	30,0N/50mm
Chịu kéo chiều cuộn MD	Chịu kéo chiều khổ CD
15cm × 50m	**8 - 35°C**
Quy cách cuộn	Nhiệt độ thi công

15cm × 50m/cuộn · Màu: Trắng, in logo BUMATECH xanh

CHI TIẾT



BuMaMESH 70

LƯỚI THUỶ TINH BỀN KIỀM · GIA CƯỜNG LỚP CHỐNG THẤM, VỮA

Lưới sợi thuỷ tinh bền kiềm phủ nhựa tổng hợp kháng kiềm trong môi trường xi măng: gia cường lớp chống thấm, màng chống nứt và lớp làm láng gốc xi măng, phân tán ứng suất, tăng kháng nứt cho hệ vật liệu.

70 ± 5g/m²	5 × 5mm
Khối lượng	Mắt lưới
≥ 550N/50mm	**≥ 2,20mm**
Kéo đứt ngang và dọc	Cầu vết nứt với **BuMaLASTIC**

1 × 50m/cuộn · Màu: Xanh dương, logo trắng

CHI TIẾT



BuMaMESH 150

LƯỚI THUỶ TINH BỀN KIỀM · GIA CƯỜNG LỚP CHỐNG THẤM, VỮA

Cùng loại lưới sợi thuỷ tinh bền kiềm, khối lượng lớn hơn và mắt lưới nhỏ hơn — gia cường lớp chống thấm, lớp vữa làm phẳng và bột trét **Skim 2in1 IN**, **Skim 2in1 EX**; xử lý vết nứt, mối nối trong nhà và ngoài trời.

150 ± 5g/m²	4 × 4mm
Khối lượng	Mắt lưới
≥ 1300 / ≥ 1100N/50mm	**≥ 2,20mm**
Kéo đứt ngang / dọc	Cầu vết nứt với **BuMaLASTIC**

1 × 50m/cuộn · Màu: Xanh dương, logo trắng

CHI TIẾT

CHỌN THEO HẠNG MỤC THI CÔNG

Hạng mục	K11W	K11F	FLEX WP 2K	BuMaLASTIC	WALLCOAT	PROOF 668	PUA 680	EnerSAV	SolarSHIELD
Tường ngoài trời, mặt tiền	●	●		●	●	●	●	●	●
Tường tầng hầm	●	●	●	●		●	●	●	
Nhà vệ sinh, bếp, khu ẩm ướt		●	●	●					
Bể nước sinh hoạt		●	●	●		●			
Bể bơi, thác nước		●	●	●		●			
Ban công, bồn trồng cây		●	●	●		●		●	
Sàn mái, mái bê tông, sân thượng		●	●	●		●	●	●	●
Mái kim loại, mái tôn		●	●	●		●	●	●	●
Tấm tường đúc sẵn, panel		●	●	●		●	●	●	
Môi trường biển, xâm thực				●		●	●	●	
Cải tạo bề mặt cũ, tường đã sơn					●	●	●	●	●
Chống nóng mái (phản xạ nhiệt)								●	●

ĐỊNH MỨC VÀ THỜI GIAN CHỜ

Sản phẩm	Định mức theo hạng mục	Chờ giữa các lớp	Chờ thử nước
K11W	0,5 - 1,0kg/m²: Tường ngoài trời, khu vực vệ sinh · 2,0kg/m²: Tường tầng hầm	30 - 60 phút	3 - 7 ngày
K11F	0,5 - 1,0kg/m²: Tường ngoài trời, khu vực vệ sinh · 2,0kg/m²: Tường tầng hầm	30 - 60 phút	3 - 7 ngày
FLEX WP 2K	1,5 - 2,0kg/m²: Ban công, nhà bếp, nhà vệ sinh · 2,5 - 3,5kg/m²: Tường tầng hầm, bể bơi, mái	20 - 40 phút	3 - 7 ngày
BuMaLASTIC	1,0 - 1,5kg/m²: Tường ngoài trời, khu vực vệ sinh · 2,0 - 3,0kg/m²: Tường tầng hầm, bể bơi, mái	30 - 60 phút	3 - 7 ngày
WALLCOAT	0,3 - 0,6kg/m²: Lớp sơn cũ · 0,6 - 0,9kg/m²: Tường mới	20 - 45 phút	–
PROOF 668	0,6 - 0,9kg/m²: Tường ngoài trời · 1,2 - 2,0kg/m²: Mái kim loại · 2,4 - 3,0kg/m²: Mái bê tông	20 - 45 phút	3 - 7 ngày
PUA 680	0,3 - 0,6kg/m²: Sơn cũ, tường mới · 2,0 - 3,0kg/m²: Mái bê tông	20 - 45 phút	3 - 7 ngày
EnerSAV	0,3 - 0,6kg/m²: Sơn cũ, tường mới · 1,5 - 3,0kg/m²: Mái kim loại, bê tông	20 - 45 phút	3 - 7 ngày
SolarSHIELD	0,3 - 0,6kg/m²: Sơn cũ, tường mới · 1,0 - 2,0kg/m²: Mái kim loại, bê tông	20 - 45 phút	–

Định mức là lượng vật liệu, chưa tính hao hụt. Thời gian chờ giữa các lớp có thể lâu hơn tuỳ điều kiện thực tế — tay chạm vào không dính.
Lớp lót: **PRIMER W**, **PRIMER F** 0,1 - 0,2kg/m² mỗi lớp · **PRIMER MOI** 0,3kg/m².

TỈ LỆ PHA TRỘN PHỤ GIA LATEX — BuMaLATEX · LATEX SP

Thành phần	Lớp kết nối	Vữa kháng nước	Keo dán gạch
BuMaLATEX hoặc LATEX SP	1kg	10kg	1,5kg
Nước	1kg	30 lít	4,5kg
Xi măng	4kg	50kg	–
Cát	–	06 xô 18L	–
Keo dán gạch BuMaGREEN hoặc BuMaFIX	–	–	25kg
Thời gian sử dụng sau trộn	30 phút	45 - 60 phút	45 phút

MƯỜI BƯỚC THI CÔNG MÀNG CHỐNG THẤM SÀN MÁI

Ảnh minh hoạ với **PROOF 668** trên sân thượng bê tông lộ thiên. Mã khác: đối chiếu thời gian chờ và định mức ở trang 9.



B1

Kiểm tra thời tiết · Độ ẩm

Kiểm tra trời quang; đo độ ẩm nền không quá 6%.



B2

Làm sạch · Tạo nhám nhẹ

Mài nhám nhẹ mặt sàn, máy hút bụi nối vào máy mài, nền sạch bụi.



B3

Trám vết nứt · Lỗ rỗ

Trám vết nứt bằng **BuMaJOINT AC**, bả kín lỗ rỗ, để sẵn **BuMaTAPE**.



B4

Cổ ống · Bo góc

Cổ ống quấn thanh trương nở, rót vữa kín; bo vát góc chân tường.



B5

Lót PRIMER F

Đứng lăn một lớp lót mỏng đều bằng rulô cán dài.



B6

Khuấy đều sản phẩm

Mở thùng, khuấy máy tốc độ chậm đến khi sản phẩm đồng nhất.



B7

Lớp thứ nhất · BuMaTAPE

Lăn lớp thứ nhất; đặt **BuMaTAPE** dọc vết nứt và gập góc khi lớp còn ướt.



B8

Lưới BuMaMESH 70

Khi lớp một còn ướt, cắt và trải lưới, miết chìm, chồng mép các tấm.



B9

Lớp sau vuông góc

Chờ 20 - 45 phút, lăn lớp hai vuông góc lớp trước.



B10

Bảo dưỡng · Ngâm thử nước

Sau 3 - 7 ngày, ngâm thử nước toàn bộ sân thượng, không rò mới bàn giao.



DỤNG CỤ CHUẨN BỊ

Máy đo độ ẩm · Máy mài · Máy hút bụi · Bay hồ · Thanh trương nở · Cọ nhỏ · **BuMaTAPE** · Lót **PRIMER F** · Máy khuấy · Rulô cán dài · Lưới **BuMaMESH 70** · Kéo cắt lưới

Mỗi lớp tối đa 0,5kg/m²
Không thi công lớp dày hơn 0,5kg/m²/lớp — chia nhiều lớp mỏng.

Độ ẩm nền tối đa 6%
Không thi công khi độ ẩm bề mặt nền lớn hơn 6%.

Trên điểm sương + 3°C
Không thi công khi nhiệt độ bề mặt thấp hơn điểm sương + 3°C.

BỐN CHI TIẾT XUNG YẾU CỦA LỚP CHỐNG THẤM



*Dán **BuMaTAPE** vào khe co giãn, băng nằm giữa hai lớp chống thấm*

Khe co giãn, khe nối kết cấu

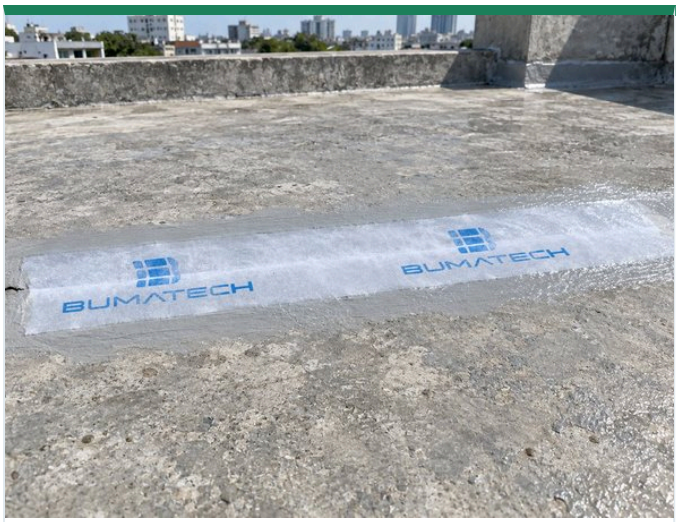
Vị trí chuyển vị lớn, nơi lớp chống thấm dễ bị xé rách nhất. Đặt **BuMaTAPE** hình omega ôm khe trong lớp màng còn ướt, không dính đáy khe; quét lớp 2 phủ kín mép băng. Trám keo đàn hồi và xốp chèn sau khi màng đóng rắn — không dùng màng lấp khe.



*Trải **BuMaFAB** vào góc chân tường khi lớp chống thấm thứ nhất còn ướt*

Góc chân tường, góc giao sàn - tường

Nơi màng chịu ứng suất tập trung. Trải **BuMaFAB** khi lớp 1 còn ướt, miết cho lưới ngấm hết, rồi quét lớp 2 phủ kín. Góc có bề rộng lớn dùng **BuMaTAPE**.



*Vết nứt nhỏ trên sàn phủ dải **BuMaFAB** rồi quét kín lớp chống thấm*

Vết nứt nhỏ trên nền

Lưới phân tán ứng suất nên vết nứt nhỏ của nền không truyền thẳng lên màng. 5 mã gốc acrylic, PU không thi công lên vết nứt rộng hơn 1,0mm — vết nứt phải được xử lý thích hợp trước khi thi công.



Cổ ống quấn thanh trương nở, rót vữa kín; bo vát góc chân tường

Cổ ống xuyên sàn, mối nối hai vật liệu

Lót kín quanh cổ ống và chân tường trước khi chống thấm. Cổ ống xuyên sàn và mối nối giữa hai loại vật liệu nền khác nhau gia cường bằng **BuMaTAPE** đặt giữa hai lớp chống thấm.

CHỌN VẬT TƯ GIA CƯỜNG THEO VỊ TRÍ

BuMaTAPE
Khe co giãn, khe nối kết cấu, góc chân tường — vị trí xung yếu có bề rộng lớn. Lõi cao su giữa hai lớp vải, giãn dài ≥ 664%.

BuMaFAB
Góc giao sàn - tường, góc cạnh kết cấu, vết nứt nhỏ trên nền; gia cường diện rộng ở sàn mái, ban công, sân thượng, nhà vệ sinh.

BuMaMESH 70 · BuMaMESH 150
Gia cường lớp chống thấm quét gốc xi măng, màng acrylic, PU và lớp vữa làm phẳng, bột trét **Skim 2in1 IN** · **Skim 2in1 EX**.

Cả 4 vật tư không chống thấm một mình — băng nằm giữa hai lớp chống thấm, lưới nằm chìm trong lớp chống thấm.
Chỉ thi công ở nhiệt độ môi trường 8 - 35°C, bề mặt khô ráo, sạch bụi bẩn, dầu mỡ.

BUMATECH
Keo dán gạch • Chống thấm • Vữa khô • Hoá chất xây dựng

CATALOGUE DÒNG SẢN PHẨM · 2027

BUILD BETTER · LIVE GREENER

HỆ GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ

1.TA · KEO DÁN GẠCH

Dán gạch sau tối thiểu 7 ngày trên **K11W**, **K11F**, **FLEX WP 2K**, **BuMaLASTIC**, **PROOF 668**. Ốp lát trực tiếp trên bề mặt chống thấm dùng keo loại C2 trở lên: **BuMaSET**, **BuMaBOND**, **BuMaFLEX**, PorceRAPID; **BuMaGREEN** pha **BuMaLATEX**, **BuMaFIX** pha **LATEX SP**, **BuMaECO** pha **CeRaLASTIC**; hoặc keo epoxy **CeRaPOXY TA**.

5.MOTA · VỮA XÂY DỰNG

Xây, tô, cán nền trước khi chống thấm — nền vữa khô **Sc 100**, **Sc 150**, **Sc 200** cho phép lót **PRIMER MOI** sau 1 ngày.

4.SLC · VỮA TỰ SAN PHẲNG

Làm phẳng mặt sàn trước lớp vật liệu hoàn thiện — **BuMaLEVEL**, **SLU 210.16**.

2.TG · KEO CHÀ RON

Chà ron sau khi dán gạch — **CeRaCOLOR**, **CeRaCOLOR USG**, **CeRaPOXY TG**.

DANH MỤC 18 SẢN PHẨM CỦA DÒNG

BuMaLATEX Phụ gia latex đa dụng	**LATEX SP** Phụ gia kết nối đặc biệt	**PRIMER W** Lớp lót chống thấm tường	**PRIMER F** Lớp lót chống thấm sàn	**PRIMER MOI** Lớp lót cho nền vữa mới tô	**K11W** Chống thấm pha xi măng
K11F Chống thấm pha xi măng	**FLEX WP 2K** Chống thấm đàn hồi	**BuMaLASTIC** Chống thấm đàn hồi cao	**WALLCOAT** Chống thấm đàn hồi gốc acrylic	**PROOF 668** Chống thấm đàn hồi cao	**PUA 680** Chống thấm đàn hồi cao
EnerSAV Chống thấm đàn hồi acrylic	**SolarSHIELD** Chống thấm đàn hồi acrylic	**BuMaTAPE** Băng gia cường chống thấm đàn hồi	**BuMaFAB** Lưới vải gia cường chống thấm	**BuMaMESH 70** Lưới thuỷ tinh bền kiềm	**BuMaMESH 150** Lưới thuỷ tinh bền kiềm

SÁU LƯU Ý AN TOÀN — ÁP CHO TOÀN DÒNG

Da và mắt
Sản phẩm gốc xi măng có tính kiềm; lớp phủ acrylic, PU tiếp xúc mồ hôi có thể gây kích ứng da hoặc dị ứng; có thể gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt.

Văng vào mắt
Rửa ngay dưới vòi nước sạch chảy nhẹ 10 - 15 phút, không dụi mắt; đau rát kéo dài thì đến cơ sở y tế gần nhất.

Bảo hộ
Găng tay · Kính bảo hộ mắt · Khẩu trang chống bụi mịn khi trộn hoặc mài nền · Quần áo bảo hộ tay dài.

Phun lớp lót
Tránh hít hơi sương khi phun bằng máy; khu vực thông thoáng, không hướng đầu phun về phía người.

Lưới và băng gia cường
Xơ sợi khi cắt gây cộm, rát mắt — mang găng tay và kính bảo hộ; thu gom đoạn thừa theo quy định chất thải xây dựng.

Vật liệu thừa và SDS
Không đổ xuống cống — để khô, xử lý như rác xây dựng. Tra SDS mới nhất tại website BUMATECH.

SINGAPORE GREEN BUILDING COUNCIL MEMBER

VGBC STANDARD MEMBER

Chứng nhận cấp công ty — thành viên SGBC và VGBC

Thông số trong tài liệu được xác lập từ thử nghiệm phòng thí nghiệm ở điều kiện tiêu chuẩn; giá trị thực tế thay đổi theo nhiệt độ, độ ẩm, vật liệu đi kèm, phương pháp và tay nghề thi công. Người sử dụng có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp với mục đích sử dụng thực tế. BUMATECH bảo lưu quyền cập nhật thông tin kỹ thuật không cần báo trước — kiểm tra phiên bản TDS mới nhất trên website trước mỗi dự án.

TRỤ SỞ CHÍNH
154/1/5 Cống Lở,
P. Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh

VĂN PHÒNG
91 Hoàng Bật Đạt,
P. Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh

NHÀ MÁY
820 Ấp Chánh, Xã Đức Lập,
Tỉnh Tây Ninh

BROCHURE CHỐNG THẤM

HỒ SƠ NĂNG LỰC BUMATECH

ZALO OA

Hotline 0979 793 804 · Dự án 0914 765 778

BUMATECH.VN

 © 2027 BUMATECH